D6.5 齐平电感式接近开关 1–4 mm



D6.5齐平电感式接近开关，D6.5 光杆外壳。额定检测距离 1 / 2 / 3 / 4 mm；NPN、PNP、直流两线输出；2 米电缆、2 米电缆，侧面出线、M8 接头、M12 接头、M8 猪尾式。共 609 个料号，每个料号对应一个固定配置。

检测距离 **1–4 mm**　输出 **NPN · PNP · 直流两线**

连接方式 **2 米电缆 · 2 米电缆，侧面出线 · M8 接头**　料号数 **609**

要点

- 它是一种D6.5 光杆外壳的接近开关，能不接触检测金属目标。齐平安装时感应面可与周围金属平齐。按西格门料号数据，SGI-GPD65S 系列额定检测距离为 1 / 2 / 3 / 4 mm。
- 额定检测距离：1 / 2 / 3 / 4 mm。
- 工作电压：10–30 V DC、5–36 V DC、10–55 V DC、10–60 V DC。
- 输出：NPN、PNP、直流两线。其中 164 个 NPN/PNP 型号为常开 + 常闭互补输出。
- 连接方式：2 米电缆（180 个）、2 米电缆，侧面出线（47 个）、M8 接头（178 个）、M12 接头（192 个）、M8 猪尾式（12 个）；外壳：黄铜镀镍（96 个）、不锈钢（513 个）。407 个型号为短型或超短型管长。
- 验证样品 1–5 件，5–7 个工作日；批量按年用量排产。

族参数

外壳	D6.5 光杆，黄铜镀镍（96 个）、不锈钢（513 个）
安装方式	齐平、准齐平（可埋入式）
额定检测距离	1 / 2 / 3 / 4 mm
输出	NPN、PNP、直流两线
工作电压	10–30 V DC、5–36 V DC、10–55 V DC、10–60 V DC
连接方式	2 米电缆、2 米电缆，侧面出线、M8 接头、M12 接头、M8 猪尾式
管长	标准管长、短型（K）、超短型（KK）
其他电气参数	见各料号规格书，随报价提供

料号说明

SGI-GPD65S-020PA-Q4-KK-V36

SGI　西格门电感式接近开关

GP　通用标准型系列

D65 · S　D6.5 齐平 （U = 非齐平）

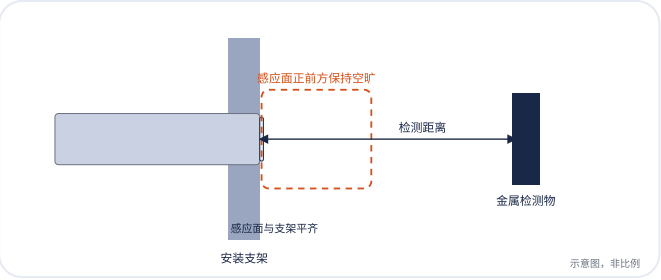
020　检测距离，单位 0.1 mm：2 mm

P · A　PNP · 常开（N = NPN，P = PNP，D = 直流两线，J = 交流两线，U = 交直流；A = 常开，B = 常闭，C = 常开 + 常闭）

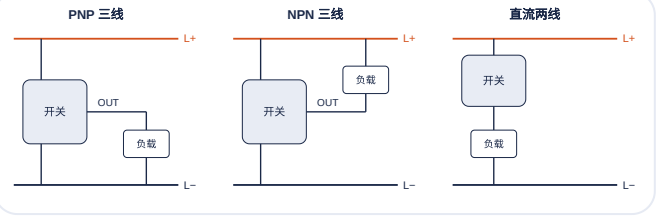
Q4　C2 = 2 米电缆，Q3 = M8 接头，Q4 = M12 接头，P3 = M8 猪尾式

KK · V36　K = 短型管长；KK = 超短型管长；SE = 侧面出线；V36 = 5–36 V DC；V55 = 10–55 V DC；NPN/PNP 无电压代码 = 10–30 V DC

安装方式



接线



全部料号

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010NA-C2-K	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-C2-KK	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-C2	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-C2-SE-KK	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-Q3-K	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-Q3-KK	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-Q3	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-Q4-K	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-Q4-KK	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-Q4	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-P3-KK	齐平	1 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-C2-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-C2-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-C2-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-C2-SE-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-Q3-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-Q3-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010NA-Q3-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-Q4-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-Q4-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-Q4-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-P3-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NA-C2-K-V55	齐平	1 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-C2-V55	齐平	1 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-Q3-K-V55	齐平	1 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-Q3-V55	齐平	1 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NA-Q4-K-V55	齐平	1 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NA-Q4-V55	齐平	1 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-C2-K	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-C2-KK	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-C2	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-C2-SE-KK	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-Q3-K	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-Q3-KK	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-Q3	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-Q4-K	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-Q4-KK	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-Q4	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-P3-KK	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-C2-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010NB-C2-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-C2-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-C2-SE-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-Q3-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-Q3-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-Q3-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-Q4-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-Q4-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-Q4-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-P3-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NB-C2-K-V55	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-C2-V55	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-Q3-K-V55	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-Q3-V55	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NB-Q4-K-V55	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NB-Q4-V55	齐平	1 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NC-C2-K	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NC-C2-KK	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-C2	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NC-C2-SE-KK	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-Q3-K	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NC-Q3-KK	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-Q3	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010NC-Q4-K	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NC-Q4-KK	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-Q4	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NC-P3-KK	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-C2-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NC-C2-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-C2-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NC-C2-SE-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-Q3-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NC-Q3-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-Q3-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NC-Q4-K-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010NC-Q4-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010NC-Q4-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010NC-P3-KK-V36	齐平	1 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-C2-K	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-C2-KK	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-C2	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-C2-SE-KK	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-Q3-K	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-Q3-KK	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-Q3	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-Q4-K	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010PA-Q4-KK	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-Q4	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-P3-KK	齐平	1 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-C2-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-C2-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-C2-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-C2-SE-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-Q3-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-Q3-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-Q3-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-Q4-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-Q4-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-Q4-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-P3-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PA-C2-K-V55	齐平	1 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-C2-V55	齐平	1 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-Q3-K-V55	齐平	1 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-Q3-V55	齐平	1 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PA-Q4-K-V55	齐平	1 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PA-Q4-V55	齐平	1 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PB-C2-K	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-C2-KK	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-C2	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010PB-C2-SE-KK	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-Q3-K	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-Q3-KK	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-Q3	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PB-Q4-K	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-Q4-KK	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-Q4	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PB-P3-KK	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-C2-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-C2-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-C2-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PB-C2-SE-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-Q3-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-Q3-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-Q3-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PB-Q4-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-Q4-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-Q4-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PB-P3-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PB-C2-K-V55	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-C2-V55	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PB-Q3-K-V55	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-Q3-V55	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010PB-Q4-K-V55	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PB-Q4-V55	齐平	1 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PC-C2-K	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PC-C2-KK	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-C2	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PC-C2-SE-KK	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-Q3-K	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PC-Q3-KK	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-Q3	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PC-Q4-K	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PC-Q4-KK	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-Q4	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PC-P3-KK	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-C2-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PC-C2-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-C2-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PC-C2-SE-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-Q3-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PC-Q3-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-Q3-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010PC-Q4-K-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010PC-Q4-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010PC-Q4-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-010PC-P3-KK-V36	齐平	1 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-010DA-C2-K	齐平	1 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010DA-C2	齐平	1 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010DA-Q3-K	齐平	1 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010DA-Q3	齐平	1 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010DA-Q4-K	齐平	1 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010DA-Q4	齐平	1 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010DB-C2-K	齐平	1 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010DB-C2	齐平	1 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010DB-Q3-K	齐平	1 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010DB-Q3	齐平	1 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-010DB-Q4-K	齐平	1 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-010DB-Q4	齐平	1 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NA-C2-K	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NA-C2-KK	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-C2	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NA-C2-SE-KK	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-Q3-K	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NA-Q3-KK	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-Q3	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NA-Q4-K	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NA-Q4-KK	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-Q4	齐平	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-020NA-C2-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NA-C2-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-C2-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NA-C2-SE-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-Q3-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NA-Q3-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-Q3-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NA-Q4-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NA-Q4-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NA-Q4-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NA-Q4-K-V55	齐平	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NA-Q4-V55	齐平	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NB-C2-K	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NB-C2-KK	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-C2	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NB-C2-SE-KK	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-Q3-K	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NB-Q3-KK	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-Q3	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NB-Q4-K	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NB-Q4-KK	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-Q4	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NB-C2-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-020NB-C2-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-C2-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NB-C2-SE-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-Q3-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NB-Q3-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-Q3-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NB-Q4-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NB-Q4-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NB-Q4-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NB-Q4-K-V55	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NB-Q4-V55	齐平	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NC-C2-K	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NC-C2-KK	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NC-C2	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NC-C2-SE-KK	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NC-Q3-K	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NC-Q3-KK	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NC-Q3	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NC-Q4-K	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NC-Q4-KK	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NC-Q4	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NC-C2-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NC-C2-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-020NC-C2-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NC-C2-SE-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NC-Q3-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NC-Q3-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NC-Q3-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020NC-Q4-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020NC-Q4-KK-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020NC-Q4-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PA-C2-K	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PA-C2-KK	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-C2	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PA-C2-SE-KK	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-Q3-K	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PA-Q3-KK	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-Q3	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PA-Q4-K	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PA-Q4-KK	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-Q4	齐平	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PA-C2-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PA-C2-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-C2-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PA-C2-SE-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-Q3-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-020PA-Q3-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-Q3-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PA-Q4-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PA-Q4-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PA-Q4-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PA-Q4-K-V55	齐平	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PA-Q4-V55	齐平	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PB-C2-K	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PB-C2-KK	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PB-C2	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PB-Q3-K	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PB-Q3-KK	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PB-Q3	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PB-Q4-K	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PB-Q4-KK	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PB-Q4	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PB-C2-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PB-C2-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PB-C2-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PB-C2-SE-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PB-Q3-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PB-Q3-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PB-Q3-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-020PB-Q4-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PB-Q4-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PB-Q4-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PB-Q4-K-V55	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PB-Q4-V55	齐平	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PC-C2-K	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PC-C2-KK	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-C2	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PC-C2-SE-KK	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-Q3-K	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PC-Q3-KK	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-Q3	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PC-Q4-K	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PC-Q4-KK	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-Q4	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PC-C2-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PC-C2-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-C2-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PC-C2-SE-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-Q3-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020PC-Q3-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-Q3-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020PC-Q4-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-020PC-Q4-KK-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-020PC-Q4-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020DA-Q4-K	齐平	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020DA-Q4	齐平	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-020DB-Q4-K	齐平	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-020DB-Q4	齐平	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-C2-SE-KK	齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NA-C2-SE-KK-V36	齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-C2-SE-KK	齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-C2-SE-KK-V36	齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-C2-SE-KK	齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-C2-SE-KK-V36	齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-C2-SE-KK	齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-C2-SE-KK-V36	齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-C2-SE-KK	齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-C2-SE-KK-V36	齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PC-C2-SE-KK	齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PC-C2-SE-KK-V36	齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NA-C2-K	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-C2-KK	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NA-C2	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-Q3-K	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-Q3-KK	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-030NA-Q3	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-Q4-K	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-Q4-KK	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NA-Q4	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-C2-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-C2-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NA-C2-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-Q3-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-Q3-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NA-Q3-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-Q4-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-Q4-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NA-Q4-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-C2-K-V55	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-C2-V55	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-Q3-K-V55	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-Q3-V55	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NA-Q4-K-V55	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NA-Q4-V55	准齐平	3 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-C2-K	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-C2-KK	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-C2	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-Q3-K	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-030NB-Q3-KK	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-Q3	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-Q4-K	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-Q4-KK	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-Q4	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-C2-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-C2-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-C2-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-Q3-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-Q3-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-Q3-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-Q4-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-Q4-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NB-Q4-V36	准齐平	3 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-C2-K-V55	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-C2-V55	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-Q3-K-V55	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-Q3-V55	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NB-Q4-K-V55	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NB-Q4-V55	准齐平	3 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NC-C2-K	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NC-C2-KK	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-C2	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-030NC-Q3-K	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NC-Q3-KK	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-Q3	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NC-Q4-K	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NC-Q4-KK	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-Q4	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NC-C2-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NC-C2-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-C2-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NC-Q3-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NC-Q3-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-Q3-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030NC-Q4-K-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030NC-Q4-KK-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030NC-Q4-V36	准齐平	3 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PA-C2-K	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-C2-KK	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-C2	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PA-Q3-K	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-Q3-KK	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-Q4-K	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-Q4-KK	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-Q4	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-030PA-C2-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-C2-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-C2-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PA-Q3-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-Q3-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-Q3-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PA-Q4-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-Q4-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PA-Q4-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PA-C2-K-V55	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-C2-V55	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PA-Q3-K-V55	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-Q3-V55	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PA-Q4-K-V55	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PA-Q4-V55	准齐平	3 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PB-C2-K	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-C2-KK	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-C2	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PB-Q3-K	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-Q3-KK	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-Q4-K	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-Q4-KK	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-Q4	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-030PB-C2-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-C2-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-C2-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PB-Q3-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-Q3-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-Q3-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PB-Q4-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-Q4-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PB-Q4-V36	准齐平	3 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PB-C2-K-V55	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-C2-V55	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PB-Q3-K-V55	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-Q3-V55	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PB-Q4-K-V55	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PB-Q4-V55	准齐平	3 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PC-C2-K	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PC-C2-KK	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PC-C2	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PC-Q3-K	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PC-Q3-KK	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PC-Q3	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PC-Q4-K	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PC-Q4-KK	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-030PC-Q4	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PC-C2-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PC-C2-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PC-C2-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PC-Q3-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PC-Q3-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PC-Q3-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030PC-Q4-K-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030PC-Q4-KK-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-030PC-Q4-V36	准齐平	3 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030DA-C2-K	准齐平	3 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030DA-C2	准齐平	3 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030DA-Q3-K	准齐平	3 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030DA-Q3	准齐平	3 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030DA-Q4-K	准齐平	3 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030DA-Q4	准齐平	3 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030DB-C2-K	准齐平	3 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030DB-C2	准齐平	3 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030DB-Q3-K	准齐平	3 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030DB-Q3	准齐平	3 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-030DB-Q4-K	准齐平	3 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-030DB-Q4	准齐平	3 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PC-C2-SE-KK-V36	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-040NA-C2-K	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-C2-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-C2	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-C2-SE-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-Q3-K	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-Q3-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-Q3	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-Q4-K	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-Q4-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-Q4	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-C2-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-C2-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-C2-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-C2-SE-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-Q3-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-Q3-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-Q3-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-Q4-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-Q4-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NA-Q4-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-C2-K-V55	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-C2-V55	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-Q3-K-V55	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-040NA-Q3-V55	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NA-Q4-K-V55	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NA-Q4-V55	准齐平	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-C2-K	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-C2-KK	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-C2	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-C2-SE-KK	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-Q3-K	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-Q3-KK	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-Q3	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-Q4-K	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-Q4-KK	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-Q4	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-C2-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-C2-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-C2-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-C2-SE-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-Q3-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-Q3-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-Q3-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-Q4-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-Q4-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NB-Q4-V36	准齐平	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-040NB-C2-K-V55	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-C2-V55	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-Q3-K-V55	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-Q3-V55	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NB-Q4-K-V55	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NB-Q4-V55	准齐平	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040NC-C2-K	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NC-C2-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-C2	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NC-C2-SE-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-Q3-K	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NC-Q3-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-Q3	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NC-Q4-K	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NC-Q4-KK	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-Q4	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040NC-C2-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NC-C2-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-C2-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040NC-C2-SE-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-Q3-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040NC-Q3-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-Q3-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-040NC-Q4-K-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040NC-Q4-KK-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040NC-Q4-V36	准齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-C2-K	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-C2-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-C2	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-C2-SE-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-Q3-K	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-Q3-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-Q3	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-Q4-K	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-Q4-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-Q4	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-C2-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-C2-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-C2-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-C2-SE-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-Q3-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-Q3-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-Q3-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-Q4-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-Q4-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PA-Q4-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-040PA-C2-K-V55	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-C2-V55	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-Q3-K-V55	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-Q3-V55	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PA-Q4-K-V55	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PA-Q4-V55	准齐平	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-C2-K	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-C2-KK	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-C2	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-C2-SE-KK	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-Q3-K	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-Q3-KK	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-Q3	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-Q4-K	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-Q4-KK	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-Q4	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-C2-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-C2-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-C2-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-C2-SE-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-Q3-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-Q3-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-Q3-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-040PB-Q4-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-Q4-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PB-Q4-V36	准齐平	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-C2-K-V55	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-C2-V55	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-Q3-K-V55	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-Q3-V55	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PB-Q4-K-V55	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PB-Q4-V55	准齐平	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PC-C2-K	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PC-C2-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PC-C2	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PC-C2-SE-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆，侧面出线	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PC-Q3-K	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PC-Q3-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PC-Q3	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PC-Q4-K	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PC-Q4-KK	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PC-Q4	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040PC-C2-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040PC-C2-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PC-C2-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PC-Q3-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GPD65S-040PC-Q3-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PC-Q3-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040PC-Q4-K-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040PC-Q4-KK-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GPD65S-040PC-Q4-V36	准齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040DA-C2-K	准齐平	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040DA-C2	准齐平	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040DA-Q3-K	准齐平	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040DA-Q3	准齐平	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040DA-Q4-K	准齐平	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040DA-Q4	准齐平	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GPD65S-040DB-C2-K	准齐平	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040DB-C2	准齐平	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040DB-Q3-K	准齐平	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GPD65S-040DB-Q3	准齐平	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GPD65S-040DB-Q4-K	准齐平	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GPD65S-040DB-Q4	准齐平	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

常见问题

D6.5 接近开关的齐平是什么意思？

齐平型（屏蔽型）可以与周围金属平齐安装，感应面正前方保持空旷即可。本系列准齐平型号额定检测距离 3 / 4 mm，安装间距以尺寸图为准。

有哪些检测距离？

本系列共 609 个料号，额定检测距离：1 / 2 / 3 / 4 mm。

有哪些工作电压？

本系列工作电压：10–30 V DC、5–36 V DC、10–55 V DC、10–60 V DC。

有哪些连接方式?

连接方式：2 米电缆（180 个型号）、2 米电缆，侧面出线（47 个型号）、M8 接头（178 个型号）、M12 接头（192 个型号）、M8 猪尾式（12 个型号）。

可以直接用西格门料号下单吗?

可以。每个料号对应一个固定配置。在型号表中点“询价”或在表单中填写料号，规格书和交期随报价确认。

西格门（深圳）工业发展有限公司

网址 www.segmensensor.com.cn · 邮箱 info@segmensensor.com · 电话 / 微信 138 2870 4591（张工）

https://segmensensor.com.cn/products/proximity-sensors/d6-5-qi-ping/

本规格书由 https://segmensensor.com.cn/products/proximity-sensors/d6-5-qi-ping/ 页面内容生成（2026-11-06）。参数如有更新，以订货确认书为准。